

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 7, bảy tháng và kế hoạch tháng 8 năm 2015

Tháng 7, tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản có một số thuận lợi cơ bản: Thời tiết, khí hậu không có sự thay đổi bất thường; sâu bệnh trên cây trồng không đáng kể; công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, tư vấn trực tiếp được tăng cường, nông dân tiếp thu và áp dụng trong sản xuất góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nông sản. Tuy nhiên, cũng gặp không ít khó khăn như nghi bệnh LMLM tại 01 hộ chăn nuôi; trên địa bàn huyện càng Long; giá cả các loại vật tư đầu vào tiếp tục đứng ở mức cao, trong khi giá đầu ra của một số nông, thủy sản như dừa khô, lúa, tôm thẻ chân trắng ở mức thấp; giá cá tra trong thời gian dài thấp hơn giá thành sản phẩm, nông dân treo ao, dẫn đến không có sản lượng. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp và địa phương, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của người dân nên nhìn chung sản xuất có bước phát triển, các công tác chuyên môn tiếp tục thực hiện thuận lợi và đạt được theo kế hoạch đề ra. Kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa:

++ Vụ Hè Thu xuống giống 8.169 ha, nâng tổng diện tích xuống giống dứt điểm vụ này 79.224 ha, vượt 2,9% kế hoạch (tương đương 2.224 ha), thấp hơn cùng kỳ 1.004 ha. Thu hoạch 7.977 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 8.810 ha, đạt 11% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,51 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,15 tấn/ha). Xây dựng 17 mô hình cánh đồng mẫu lớn, diện tích 3.367 ha (3.154 hộ tham gia).

Vụ Hè thu có 733,5 ha bị thiệt hại do nắng nóng khô hạn, thiếu nước bơm tác đầu vụ kết hợp với xì phèn, (372,5 ha tỉ lệ 30-50% và 361 ha tỉ lệ 50-100%). Tuy nhiên, nông dân đã khắc phục xong bằng cách gieo sạ và cấy dặm lại. Nhìn chung, công tác khuyến nông được tăng cường, diện tích sản xuất lúa áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới được mở rộng, góp phần tăng năng suất, sản lượng và chất lượng lúa gạo. Việc dự tính dự báo sâu bệnh trên cây trồng được thực hiện thường xuyên nên sâu bệnh gây hại không đáng kể.

++ Vụ Thu Đông – mùa: Xưởng giống 815 ha tại các huyện Càng Long, Cầu Kè, đang trong giai đoạn mạ đến đẻ nhánh, thấp hơn cùng kỳ 5.960 ha.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 1.404 ha, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 41.218 ha (vụ mùa 11.952 ha), đạt 64,6% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 276 ha, cụ thể: Màu lương thực 6.068 ha, màu thực phẩm 21.835 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.316 ha. Thực hiện 02 mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía tại xã Lưu Nghiệp Anh và xã Kim Sơn huyện Trà Cú, diện tích 44,65 ha (68 hộ), hiện mía đang trong giai đoạn 3,5 - 4 tháng tuổi, phát triển bình thường.

+ Công tác sản xuất, cung ứng giống: Vụ hè thu, tổ chức liên kết sản xuất và nhân giống lúa cấp xác nhận, diện tích 55,4 ha, hiện đang trong giai đoạn trổ, chín; nhân giống bưởi da xanh xen dứa, diện tích 06 ha (đã giao cây giống); thực hiện 02 mô hình nhân giống gà, quy mô 500 con/mô hình, đã tuyển chọn được 455 con gà mái, hiện đang phát triển bình thường. Thu mua 29,8 tấn lúa giống (13,5 tấn cấp nguyên chủng), cung ứng 3,4 tấn và 1.549 cây giống các loại; nâng tổng số đến nay thu mua 152,6 tấn lúa giống (37,5 tấn nguyên chủng), cung ứng 54,5 tấn và 4.036 cây giống các loại.

+ Kế hoạch phòng chống và kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng: Kiểm tra thực tế ngoài đồng ruộng, phát hành 11 thông báo, kịp thời khuyến cáo nông dân phòng trị bệnh đạo ôn, cháy bìa lá và rầy nâu, đồng thời hướng dẫn nông dân phun thuốc phòng trừ bệnh đạo ôn bảo vệ 1.500 ha lúa hè thu tại các huyện Châu Thành, Trà Cú, Tiểu Cần. Thực hiện mô hình phòng trừ chuột gây hại lúa Hè thu tại huyện Châu Thành, diện tích 500m², kết quả cho thấy tình hình gây hại giảm rõ rệt, tỉ lệ gây hại thấp và không đáng kể so với vụ Đông Xuân. Thực hiện chiến dịch phòng, trừ bệnh chổi rồng hại nhãn đã vận động nông dân cắt tia, bón phân, phun thuốc theo quy trình sửa đổi bổ sung của Cục BVTV nên diện tích và tỷ lệ bệnh giảm. Kiểm tra tình hình bệnh đốm nâu trên cây thanh long, kết quả chưa phát hiện bệnh.

- Chăn nuôi:

+ Trong tháng phát sinh trường hợp nghi bệnh lở mồm long móng tại 01 hộ chăn nuôi bò ở xã An Trường, huyện Càng Long, tổng đàn 03 con, trong đó, có 01 con nghi bệnh (bò của Dự án nông thôn mới). Đơn vị chuyên môn đã tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống không để bệnh lây sang diện rộng, đến nay bò bệnh đã hồi phục và không có trường hợp phát sinh mới. Các loại dịch bệnh nguy hiểm khác như cúm gia cầm, tai xanh trên heo tiếp tục được kiểm soát; các loại bệnh khác xảy ra quy mô nhỏ lẻ, gây hại không đáng kể.

+ Thực hiện tiêm phòng LMLM 33.815 con gia súc; tiêm phòng các bệnh thường xuyên 149.719 con gia súc; tiêm phòng dại chó mèo 518 con; tiêm phòng các loại khác 145.905 con; kiểm dịch 21.076 con gia súc, 297.811 con gia cầm các loại, 58 tấn thịt và 1,9 triệu quả trứng. Nâng tổng số đến nay, tiêm phòng cúm gia cầm 2,6 triệu con (889 ngàn con gà, đạt 32,3% so tổng đàn; 1,7 triệu con vịt, đạt 98,7% so tổng đàn); tiêm phòng LMLM gia súc 70.812 con (trâu, bò 55.553 con, đạt 100% so kế hoạch; heo nái và heo đực giống 7.387 con, đạt 30% so kế hoạch; dê, cừu 1.508 con); tiêm phòng các bệnh thường xuyên 582.284 con gia

súc (dịch tả 203.685 con; tụ huyết trùng 192.379 con và phó thương hàn 186.220 con); tiêm phòng đại chó, mèo 4.528 con, đạt 74% so kế hoạch; kiểm dịch 65.499 con gia súc, 17,5 triệu con gia cầm các loại, 419 tấn thịt, 15 triệu quả trứng; sử dụng 8.578 lít thuốc, tiêu độc khử trùng với tổng diện tích trên 13,4 triệu m² của 259.863 lượt hộ chăn nuôi.

Nhìn chung, tình hình chăn nuôi trong tháng có chiều hướng phát triển, tổng đàn vật nuôi tăng so với tháng trước, cụ thể: Đàn bò gần 160 ngàn con, tăng gần 5 ngàn con; đàn heo 320 ngàn con, tăng 6,7 ngàn con; đàn gia cầm 5 triệu con, tăng 200 ngàn. Nguyên nhân, do ngành có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt trong việc xử lý bệnh LMLM tại huyện Càng Long nên nhanh chóng được khống chế, không lây sang diện rộng, các dịch bệnh nguy hiểm khác được kiểm soát; giá sản phẩm đầu ra đảm bảo nông dân có lãi và được hưởng chính sách của Trung ương.

b) Lâm nghiệp:

- Trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2020 và đơn giá trồng một số loài cây rừng ngập mặn; khảo sát khu vực Cồn Vượt xã Hiệp Thạnh, để xây dựng mô hình trồng bản thử nghiệm; kiểm tra, nhắc nhở các hộ nhận chăm sóc cây giống phục vụ cho công tác trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2015; kiểm tra 72,82 ha diện tích rừng phi lao bị sâu bệnh tại ấp Hồ Thùng, xã Đông Hải, kết quả tỷ lệ nhiễm bệnh 18-35%.

- Cấp 01 giấy nuôi động vật hoang dã; thực hiện 72 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 01 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay cấp 08 giấy nuôi động vật hoang dã, 27 giấy phép vận chuyển động vật rừng; thực hiện 428 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 07 trường hợp vi phạm, đơn vị chuyên môn đã tiến hành xử lý theo quy định.

c) Diêm nghiệp:

Thu hoạch trong tháng 1.328 tấn, nâng tổng sản lượng thu hoạch bảy tháng là 13.963 tấn, tăng 2.086 tấn so cùng kỳ; theo tổng hợp từ địa phương, đến nay lượng muối tiêu thụ khoảng 10.616 tấn, giá bán bình quân 15.000-20.000 đồng/giạ, sản lượng còn tồn 3.347 tấn. Nguyên nhân chưa tiêu thụ hết do vào vụ thu hoạch, giá thấp, diêm dân trữ lại đến tháng 8, 9 giá tăng trở lại diêm dân mới bán ra.

d) Thủy sản:

- Nuôi trồng: Thả nuôi 2.951 ha, sản lượng thu hoạch 11.489 tấn. Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 34.399 ha, sản lượng thu hoạch 43.234 tấn (cá lóc 14.774 tấn, cá tra 2.334 tấn, tôm sú 5.869 tấn, tôm thẻ chân trắng 9.409 tấn), đạt 35,46% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 19.562 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 233,9 triệu con tôm sú giống, diện tích 1.143 ha; 352,7 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 980 ha; 13,7 triệu con cua biển, diện tích 528,7 ha; thu hoạch 8.391 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 1,81 tỷ con tôm sú giống, diện tích 18.623 ha; 1,77 tỷ con giống tôm chân trắng, diện tích 3.330 ha; 92,9 triệu con cua biển giống, diện tích 10.905 ha; 170 tấn nghêu giống,

diện tích 25 ha; thu hoạch 19.188 tấn, đạt 34% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 9.800 tấn. Theo số liệu thống kê của ngành có 399,5 triệu con giống tôm sú bị thiệt hại (chiếm 22%), diện tích 3.881 ha (chiếm 20%); 468 triệu con giống tôm thẻ chân trắng bị thiệt hại (chiếm 26%), diện tích 856 ha (chiếm 25%). Nguyên nhân, do thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi như gây bệnh hoại tử, gan tụy và một số bệnh như phân trắng, đường ruột.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 56 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 828 ha; thu hoạch 3.098 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 129 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.516 ha (tôm càng xanh 5,2 triệu con giống, diện tích 127 ha; cá lóc 66 triệu con giống, diện tích 159 ha; còn lại là các loại cá khác); sản lượng thu hoạch 24.046 tấn, đạt 36,7% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 9.762 tấn.

- Khai thác: Hiện nay, tổng số tàu đăng ký toàn tỉnh là 1.191 tàu (tổng công suất 83.188 cv). Trong đó, 193 tàu có công suất trên 90 cv (công suất 51.821 cv). Sản lượng khai thác trong tháng 6.582 tấn (1.911 tấn tôm), nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 44.841 tấn (7.661 tấn tôm), đạt 54% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.383 tấn, gồm:

+ Khai thác nội đồng: 1.994 tấn (816 tấn tôm). Lũy kế đến nay 6.638 tấn (2.466 tấn tôm), đạt 45,7% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 568 tấn.

+ Khai thác hải sản: 4.587 tấn (1.095 tấn tôm). Lũy kế đến nay 38.202 tấn (5.195 tấn tôm), đạt 55,7% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 816 tấn.

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 3.391 tấn thủy sản (tôm sú 619 tấn, tôm thẻ 945 tấn), chế biến 1.846 tấn, tiêu thụ 1.300 tấn, kim ngạch xuất khẩu 7,44 triệu USD. Nâng tổng số đến nay thu mua 7.076 tấn (tôm sú 967 tấn, tôm thẻ 2.374 tấn), chế biến 4.161 tấn, tiêu thụ 3.154 tấn, kim ngạch xuất khẩu 15,6 triệu USD.

- Xây dựng 04 mô hình nuôi tôm theo hướng VietGap, đồng thời tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho khoảng 2.000 lượt nông dân về quy phạm thực hành nuôi thủy sản tốt, để định hướng và tạo cho nông dân quen dần với các quy định mới, tạo ra sản phẩm an toàn.

- Thành lập tổ tư vấn hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát tình hình bệnh để chủ động trong công tác phòng chống, cấp phát 60,4 tấn Chlorine từ nguồn dự phòng của tỉnh cho 02 huyện Cầu Ngang, Duyên Hải để xử lý ao nuôi. Kiểm dịch 575 triệu con tôm sú giống, 890 triệu con tôm thẻ chân trắng, cấp 646 giấy chứng nhận kiểm dịch động vật thủy sản; kiểm tra vệ sinh thú y 104 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 17 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y thủy sản, 70 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản, 66 giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y thủy sản; thực hiện 73 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 108 mẫu giáp xác phục vụ nuôi thủy sản, kết quả 25 mẫu nhiễm virus đốm trắng.

- Công tác giống: Thực hiện 04 mô hình, gồm sản xuất giống lươn đồng bằng phương pháp bán nhân tạo, ương cua biển nhân tạo từ giai đoạn cua tiêu lên cua me trong giai lưới, sản xuất giống cá rô phi đã qua chọn lọc bằng phương pháp xử lý đơn tính, sinh sản và ương giống cá sặc rằn. Sản xuất 0,3 triệu con

tôm càng xanh toàn đực, 0,5 triệu con cá lóc giống. Cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 3,7 triệu con post tôm sú, 02 triệu con tôm thẻ chân trắng, 0,5 triệu con cá lóc giống, 0,2 triệu con cua biển giống, 0,3 triệu con cá lóc giống, 1,7 ngàn con lươn giống.

- Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP: Trình UBND tỉnh phê duyệt 91 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và 103 trường hợp xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm thuyền viên. Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước tỉnh đến nay tiếp nhận được 05 hồ sơ xin vay vốn để đóng mới tàu cá, đã thẩm định 02 hồ sơ đủ điều kiện vay vốn, 03 hồ sơ còn lại chưa đủ điều kiện.

Nhìn chung, trong tháng giá thương phẩm cá lóc, tôm sú tăng; giá tôm chân trắng, cá tra giảm so với tháng trước. Thời tiết khá ổn định, nhiệt độ chênh lệch ngày và đêm không cao, là điều kiện thuận lợi để người dân tiếp tục thả nuôi các loại thủy sản. Tuy nhiên, diện tích thả nuôi tôm không cao, do người dân thả nuôi rải vụ, chờ giá tăng; tình hình thiệt hại vẫn xảy ra rải rác ở một số nơi nhưng giảm so với tháng trước; nguyên nhân chủ yếu do những cơn mưa kéo dài làm môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi dẫn đến thiệt hại. Tôm chết do bệnh gan tụy, phân trắng, ... Sản lượng khai thác đạt thấp so với tháng trước, nguyên nhân do giá nguyên, nhiên vật liệu phục vụ khai thác tăng, một số tàu nằm bờ không tiếp tục khai thác nên sản lượng giảm.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác lập quy hoạch, đề án cấp xã: 85/85 xã hoàn thành việc lập và phê duyệt quy hoạch, hiện đang triển khai thực hiện; đã phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện. Đã trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án tổng thể nông thôn mới cấp tỉnh năm 2015 giai đoạn 2016 – 2020.

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 333 cuộc tuyên truyền, vận động 8.892 lượt người tham dự; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về xây dựng nông thôn mới tại xã Hiếu Trung, Hiếu Tử (Tiểu Cần), với nội dung giải pháp giữ vững 19 tiêu chí và tấm gương điển hình trong phong trào tham gia xây dựng nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay tổ chức 2.003 cuộc tuyên truyền lồng ghép về các tiêu chuẩn áp, hộ nông thôn mới, kế hoạch thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, vận động tham gia bảo hiểm y tế, vệ sinh môi trường, triển khai các tài liệu tuyên truyền, tài liệu hỏi - đáp về nông thôn mới cho 62.569 lượt người là hộ dân và đoàn thể; kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện 14 phóng sự về xây dựng nông thôn mới.

+ Kết quả thực hiện nguồn vốn:

++ Vốn sự nghiệp: 4.900 triệu đồng (vốn ngân sách 2.820 triệu đồng, vốn dân 600 triệu đồng, vốn khác 1.480 triệu đồng) thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ phát triển sản xuất cho 17 xã điểm. Đến nay, có 17/17 xã đã triển khai thực hiện, giải ngân 10 mô hình, kinh phí 1.660 triệu đồng, đạt 58,82% kế hoạch.

++ Nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: 68.000 triệu đồng, hỗ trợ cho 34 xã. Đến nay, đã giải ngân được 6.123 triệu đồng, đạt 9,1% so với kế hoạch.

++ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 17.000 triệu đồng, phân bổ cho 11 xã, gồm Nhị Long Phú, Hòa Minh, Tân Hùng, Hiếu Trung, Tập Ngãi, Hiệp Mỹ Đông, Kim Hòa, Ninh Thới, Châu Điền, Ngọc Biên và Long Hữu. Hiện tại địa phương dự kiến chi trả nợ của các công trình đã được thực hiện trong năm 2014).

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về nông thôn mới đối với 85 xã: Có 15 xã đạt 19/19 tiêu chí; 07 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 37 xã đạt 10-14 tiêu chí; 26 xã đạt từ 5-9 tiêu chí.

Tóm lại, công tác xây dựng nông thôn mới được các ngành, các cấp quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là công tác tuyên truyền và hỗ trợ xây dựng mô hình nên người dân hưởng ứng tích cực.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa trình thẩm định, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt hồ sơ yêu cầu hạng mục đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư, kiểm tra tiên độ thi công hạng mục san lấp mặt bằng lô 1. Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần Trình UBND tỉnh xin bố trí nguồn vốn 6.250 triệu đồng để thực hiện dự án; làm việc với Sở Tài chính xin chuyển 1.856 triệu đồng còn lại của dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước sang thanh toán bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông; phối hợp với địa phương lập hồ sơ bồi hoàn giải phóng mặt bằng.

+ Công tác di dời dân: Phối hợp UBND xã Trường Long Hòa thẩm định hộ đăng ký và tổ chức xét duyệt các đối tượng bố trí ổn định dân cư.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Quyết toán 02 dự án hoàn thành; tiếp tục thực hiện 06 dự án, khối lượng thực hiện đạt 66%. Lắp đặt cho 832 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nâng tổng số từ đầu chương trình đến nay lắp đặt cho 74.870 hộ sử dụng nước máy (tăng 5.311 hộ so với đầu năm), đạt 75,97% kế hoạch; giải ngân vốn đầu tư 15,84 tỷ đồng, đạt 78,3% kế hoạch; duy trì hoạt động tại 165 trạm cấp nước, đảm bảo 100% trạm cấp nước hoạt động đạt hiệu quả, thường xuyên duy tu bảo dưỡng các trạm cấp nước, chất lượng nước đạt quy chuẩn Bộ Y tế qui định.

Nhìn chung, các công trình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hoàn thành, phục vụ sinh hoạt cho vùng nông thôn đã góp phần tăng tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh trên toàn tỉnh.

- Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: Phối hợp Trường Đại học Trà Vinh và Công ty nông sản xây dựng kế hoạch chuẩn bị đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn; Đôn đốc làng nghề sản xuất muối xã Dân Thành, làng nghề sản xuất cốm dẹp xã Nhị Trường hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định. Tổ chức khai giảng 04 lớp đào tạo nghề trồng, tạo dáng, chăm sóc cây cảnh và phòng trị bệnh trên heo tại huyện Càng Long, Cầu Kè. Nâng tổng số đến nay đã ký hợp đồng được 22 lớp, khai giảng 13 lớp, đồng thời kiểm tra 02 lớp nghề tạo dáng và chăm sóc cây cảnh tại ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, TPTV và xã Tân An, huyện Càng Long.

2. Tình hình thực hiện công tác chuyên ngành:

a) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

Hoàn thành công tác tham mưu Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 04 Nghị quyết:

- Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2016-2020.

- Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt một số chính sách về xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015-2017.

- Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt chính sách hỗ trợ áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt giai đoạn 2015-2020.

- Nghị quyết số 10/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của Hội Đồng nhân dân tỉnh Phê duyệt định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản và xây dựng cánh đồng lớn trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Thực hiện 31 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 30.331 m, khối lượng đất đào đắp 83.897 m³. Nâng tổng số đến nay thực hiện 378 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 296.175 m, khối lượng đất đào đắp 948.327 m³, đạt 68,6% kế hoạch.

- Nghiệm thu kỹ thuật công trình Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015; nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 14 công trình thủy lợi.

- Tổng hợp ý kiến đóng góp Dự thảo Quyết định về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị thẩm định Dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Trình UBND phê duyệt Kế hoạch Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

- Tổ chức 08 lớp tập huấn Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai cấp xã với 329 lượt cán bộ dự.

- Tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, xử lý 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay tổ chức 101 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, xử lý 32 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, buộc khôi phục lại hiện trạng.

- Trong tháng, trên tuyến đê Nhà Mát – Ba Động phát sinh 01 vị trí sạt lở, chiều dài 4,5m, lở sâu vào thân đê, rộng khoảng 4,2m, cách cầu Trà Trỏ 200m. Nguyên nhân, do mưa lớn và tại vị trí này có đặt bọng qua đê, đường kính 50cm để lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản, hiện đã khắc phục xong vị trí sạt lở.

c) Công tác xây dựng cơ bản:

Triển khai thực hiện 16 dự án, trong đó 04 dự án khởi công mới, 12 dự án chuyển tiếp, gồm 09 công trình phục vụ nuôi trồng thủy sản; 05 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng. Kết quả giải ngân đến nay 192,2 tỷ đồng đạt 63,3% kế hoạch cả năm.

Nhìn chung, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành phục vụ sản xuất bước đầu phát huy được hiệu quả, đặc biệt là các công trình phục vụ trồng lúa và nuôi thủy sản.

d) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

- Tổ hợp tác (THT): Triển khai hoàn thành 03 lớp tập huấn thành lập mới THT trên địa bàn huyện Tiểu Cần, Duyên Hải, Châu Thành. Nâng tổng số đến nay được 15/21 lớp, đạt 71,43% kế hoạch.

- Hợp tác xã (HTX): Đơn đốc làng nghề sản xuất muối xã Dân Thành, làng nghề sản xuất cốm dẹp xã Nhị Trường hoàn chỉnh hồ sơ trình thẩm định, công nhận làng nghề. Xây dựng hoàn thành các biểu mẫu đánh giá tình hình hoạt động của các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; hoàn thành kế hoạch hỗ trợ HTX nông nghiệp Thành Công xã Ngọc Biên nâng cao hiệu quả hoạt động. Làm việc với Công ty phân bón sinh học Delta về việc hỗ trợ thành lập HTX rau màu tại ấp Kinh Xáng, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành và bàn giải pháp để hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm, liên kết đầu vào, đầu ra tại ấp Phú Phong 1, 2, 3 với HTX Hưng Phú, xã Bình Phú, huyện Càng Long. Tổ chức tập huấn 02 lớp thành lập mới HTX tại phường 7 thành phố Trà Vinh và xã Hòa Lợi huyện Châu Thành.

e) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Vệ sinh an toàn thực phẩm: Thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) đối với 128 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và tàu cá, cấp 35 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 40 giấy xác nhận kiến thức ATTP; đánh giá phân loại 246 tàu cá, cơ sở giết mổ động vật, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thủy sản, xay xát lúa gạo; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 75 mẫu (17 mẫu nông sản, 58 mẫu thủy sản). Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATTP đối với 261 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và tàu cá, cấp 62 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, 101 giấy xác nhận kiến thức ATTP; đánh giá phân loại 453 tàu cá, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thức ăn thủy sản, thuốc BVTV, chế biến nông sản, thủy sản, xay xát lúa gạo, giết mổ gia súc kết quả xếp loại có 150 loại A, 170 loại B, 101 loại C, 32 cơ sở, tàu cá ngưng hoạt động; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 355 mẫu (83 mẫu nông sản, 272 mẫu thủy sản).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 53 tàu (05 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 06 tàu, xóa bộ 04 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 04 trường hợp, cấp 31 sổ danh bạ (145 thuyền viên), cấp 43 giấy phép khai thác thủy sản, 09 giấy

chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 361 tàu (15 tàu ngoài tỉnh), đăng ký 64 tàu, xóa bộ 29 tàu; cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá 39 trường hợp, cấp 168 sổ danh bạ (717 thuyền viên), cấp 312 giấy phép khai thác thủy sản, 131 giấy chứng nhận, xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu vào EU.

+ Tổ chức thu phí 1.834 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.577 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 91 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay thu phí 9.163 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 8.976 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 421 triệu đồng.

f) Thanh tra, kiểm tra:

- Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 45 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản cho 907 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 161 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kinh doanh thuốc, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, hóa chất, chế phẩm dùng trong nuôi thủy sản cho 4.640 lượt người.

- Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực thú y thủy sản và giống thủy sản, bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu, sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi đối với 30 phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 20 tàu cá, 02 cơ sở; thu 02 mẫu thức ăn chăn nuôi; xử lý 07 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay thanh tra, kiểm tra 375 tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định của pháp luật; thu 76 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, giống lúa, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý 42 trường hợp vi phạm.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ và khuyến nông:

- Thực hiện khảo nghiệm 03 bộ giống lúa (A_0 , A_1 và Trà Vinh), diện tích 0,2 ha, hiện đang trong giai đoạn làm đòng; khảo nghiệm bưởi da xanh trồng xen dừa, diện tích 7 ha, đang phát triển tốt.

- Tiếp nhận công nghệ sản xuất lợn đòng đã nghiệm thu giai đoạn 2 thu được 15 ngàn con lợn giống và 1.000 con lợn bột, hiện đang tiếp tục chăm sóc lợn bố mẹ và thu trứng lợn.

- Tổ chức 47 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa chất lượng cao, canh tác lúa theo 1 phải 5 giảm, trồng mía, trồng bắp lai, trồng rau ăn lá theo hướng VietGap; kỹ thuật vỗ béo bò, chăn nuôi bò, chăn nuôi heo, chăn nuôi gia cầm; kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi tôm sú, nuôi tôm quảng canh, nuôi cá lóc, nuôi cá nước ngọt cho 1.369 lượt người dự; phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 1.539 lượt hộ; kết hợp với các Đài Phát thanh Truyền hình Trà Vinh thực hiện 01 chuyên mục “Quản lý chăm sóc tôm nuôi mùa mưa”, 01 cuộc phóng sự “Khuyến cáo nông dân về thời gian thả nuôi, hướng dẫn xử lý môi trường nước, chọn giống chất lượng và quản lý thức ăn”; cấp 44.000 tài liệu

bướm về trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Nâng tổng số đến nay tổ chức 178 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản và tuyên truyền xây dựng công trình khí sinh học cho 5.126 lượt người (trồng trọt 1.067 lượt người; chăn nuôi 1.067 lượt người; thủy sản 2.448 lượt người; công trình khí sinh học 544 lượt người); phân công cán bộ kỹ thuật trực tiếp tư vấn cho 5.409 lượt hộ (trồng trọt 1.318 lượt hộ; chăn nuôi 564 lượt hộ; thủy sản 3.527 lượt hộ); thực hiện 08 chuyên mục, 02 cuộc phóng sự, 05 bản tin thời sự và 01 cuộc tọa đàm; cấp phát 1.000 tờ tin khuyến nông, 44.000 tờ bướm, 150 sổ tay khuyến nông, 235 quyển tài liệu kỹ thuật, 44 bộ tranh công cụ, 950 tờ tài liệu bướm và 48 đĩa kỹ thuật các loại.

- Xây dựng 09 công trình khí sinh học theo Dự án Khí sinh học (Biogas) Việt Nam – Hà Lan. Nâng tổng số đến nay đã xây dựng được 165 công trình khí sinh học góp phần giảm ô nhiễm môi trường và tạo ra chất đốt phục vụ sinh hoạt gia đình.

- Thực hiện các mô hình trình diễn về trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản như: Trồng thanh long ruột tím hồng; trồng lan cắt cành; nuôi kết hợp tôm sú – cá rô phi; nuôi tôm thẻ, tôm sú theo tiêu chuẩn VietGAP; nuôi hàu treo giàn bè trên sông; chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học có bổ sung men vi sinh hoạt tính trong thức ăn; chăn nuôi vịt biển thích ứng với biến đổi khí hậu.

h) Công tác khác:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt kế hoạch xây dựng cánh đồng lớn tỉnh Trà Vinh; xin chủ trương và kinh phí điều tra, khảo sát xác định nguyên nhân gây chết rừng phi lao; xin chủ trương thực hiện mô hình trồng cây xoài theo tiêu chuẩn Global GAP và xây dựng trạm kiểm dịch động vật tại cầu Cổ Chiên.

- Hoàn chỉnh kế hoạch: Phát triển nông nghiệp, nông thôn và dự toán ngân sách nhà nước năm 2016; tổ chức “Triển lãm và Hội chợ trái ngon, an toàn” nhân dịp Tết Quân – Dân năm 2016 và xây dựng lịch thời vụ xuống giống lúa Thu Đông – mùa 2015-2016.

- Tổng hợp hoàn chỉnh các báo cáo: Sơ kết 2 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; báo cáo 5 năm thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia lĩnh vực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn (2011-2015); dự toán kế hoạch 2016 thuộc nguồn vốn thường xuyên và vốn sự nghiệp của ngành; sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết 24/NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành TW Đảng về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

- Tổ chức họp lấy ý kiến góp ý dự thảo Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

- Số lượng tàu nằm bờ tăng, sản lượng khai thác thủy, hải sản giảm so với cùng kỳ.

- Việc thực hiện liên kết giữa sản xuất với chế biến và tiêu thụ nông sản nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa còn hạn chế.

- Triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành gặp khó khăn và tiến độ xây dựng kế hoạch thực hiện tái cơ cấu một số lĩnh vực còn chậm.

- Việc chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang trồng màu và kết hợp nuôi thủy sản ở một số địa phương còn chậm.

- Nuôi cá tra không có điều kiện phát triển, diện tích và sản lượng giảm đáng kể.

- Lúa Hè thu xuống giống kéo dài sau lịch thời vụ hơn 60 ngày sẽ ảnh hưởng đến sản xuất các vụ sau.

- Công tác triển khai lập mới, rà soát quy hoạch một số lĩnh vực của ngành còn chậm.

2. Nguyên nhân:

- Giá cả nguyên, nhiên vật liệu phục vụ khai thác thủy sản đứng ở mức cao, sản lượng tôm, cá gần bờ giảm, ngư dân khai thác không có hiệu quả nên hạn chế ra khơi.

- Dịch bệnh trong chăn nuôi luôn tiềm ẩn, sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất đặc thù, chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên, thời tiết, tính rủi ro cao, hiệu quả sản xuất và lợi nhuận thấp, do đó, các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực này bị hạn chế.

- Việc nâng cao giá trị sản phẩm nông sản còn hạn chế do công tác bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

- Việc phối hợp giữa các ngành, các cấp và địa phương chưa thật sự chặt chẽ, phần nào gây khó khăn đến việc thực hiện tái cơ cấu ngành.

- Giá thành nuôi cá tra cao hơn giá bán cá thương phẩm, bên cạnh đó không có thị trường tiêu thụ ổn định, nên nông dân treo ao hoặc chuyển sang nuôi các đối tượng khác.

- Năng lực của ngành còn hạn chế, không đủ khả năng lập mới, rà soát quy hoạch, phải thuê các Viện, Trường và phải tuân các trình tự thủ tục.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 8 NĂM 2015

1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Nông nghiệp:

- Trồng trọt:

+ Cây lúa: Tập trung hướng dẫn nông dân chăm sóc, bảo vệ, đảm bảo thu hoạch vụ Hè Thu đạt theo kế hoạch; kết hợp địa phương hướng dẫn nông dân xuống giống vụ Thu Đông - mùa theo lịch thời vụ, tăng cường công tác dự tính, dự báo, thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình sâu bệnh ngay từ khi gieo sạ đến giai đoạn an toàn; tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cánh đồng lớn theo

Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác, kết hợp nuôi thủy sản.

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tiếp tục khuyến cáo nông dân gieo trồng màu vụ mùa theo kế hoạch; phân công cán bộ chuyên môn theo dõi mô hình cánh đồng mẫu trên cây mía đường. Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại.

- Chăn nuôi: Tập trung chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi nhất là bệnh LMLM và cúm gia cầm; kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi, quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi; thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn các hộ chăn nuôi, cơ sở giết mổ, kinh doanh sản phẩm động vật, áp dụng tích cực tham gia phòng chống dịch bệnh và vệ sinh tiêu độc khử trùng theo quy định. Tiếp tục triển khai xây dựng các điểm chăn nuôi tập trung, lò giết mổ tập trung theo quy hoạch. Triển khai thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Theo dõi, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai thực hiện chăn nuôi tập trung theo các quyết định của UBND tỉnh.

b) Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã.

c) Thủy sản: Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn khuyến cáo người dân thả nuôi các loại thủy sản nước ngọt có giá trị kinh tế; hướng dẫn nông dân chăm sóc đàn tôm, cá thả nuôi trong điều kiện mùa mưa; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và có biện pháp xử lý đối với các cơ sở cung ứng con giống, đặc biệt là đối với cơ sở ương dưỡng dịch vụ giống, quản lý chặt chẽ kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản và Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) và khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão.

d) Phát triển nông thôn:

- Triển khai kế hoạch kiểm tra các xã phấn đấu đến cuối năm 2015 đạt xã nông thôn mới; phối hợp với các Sở, ban ngành tỉnh kiểm tra kết quả thực hiện 19 tiêu chí và nhu cầu đầu tư các công trình trên địa bàn các xã đạt nông thôn mới năm 2015; theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện giải ngân các nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình; triển khai tập huấn các chuyên đề về xây dựng nông thôn mới năm 2015; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường Long Hòa: Trình phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công và thương thảo ký hợp đồng thi công hạng

mục Đường giao thông nội bộ, hệ thống thoát nước khu dân cư. Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần: lập hồ sơ yêu cầu hạng mục đoạn kè phía bên trái, chiều dài 516m. Phối hợp UBND xã Trường Long Hòa về việc họp công bố danh sách và niêm yết danh sách các hộ được xét bố trí ổn định dân cư.

- Phối hợp các đơn vị đào tạo nghề rà soát nhu cầu học nghề của lao động và ký hợp đồng triển khai đào tạo, dự kiến ký hợp đồng 10 lớp; theo dõi, kiểm tra các lớp đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đã khai giảng.

2. Công tác chuyên ngành:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng ban hành các Quyết định triển khai thực hiện 04 Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã phê duyệt trong tháng 7.

- Tiếp tục tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, khuyến cáo nông dân sử dụng các giống mới chất lượng cao, sử dụng màng phủ nông nghiệp; thực hiện gieo trồng nhân tạo, chăn nuôi theo hướng an toàn, đảm bảo vệ sinh môi trường; sản xuất theo quy trình VietGAP...; tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn, tư vấn trực tiếp cho các hộ dân về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và nuôi thủy sản, nhất là nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng.

- Tổ chức tuyên truyền Luật Thủy sản, các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn vệ sinh thực phẩm nông sản, thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, kinh doanh thuốc BVTV, thức ăn thủy sản và phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho nông, ngư dân trong mùa mưa bão.

- Tiếp tục thực hiện công tác thủy lợi nội đồng năm 2015; hoàn thành bản đồ bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới các xã Châu Điền, Ninh Thới, Kim Hòa, Hòa Minh; chỉ đạo kiểm tra đê điều, thường xuyên kiểm tra mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất; tổ chức họp Hội đồng thẩm định dự án Quy hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng các công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2015 và xây dựng kế hoạch thực hiện các công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2016.

- Tiếp tục theo dõi tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và động vật thủy sản.

- Tổ chức triển khai tập huấn 07 lớp thành lập mới THT; 01 lớp củng cố THT; 02 lớp thành lập mới HTX; 07 lớp củng cố HTX trên địa bàn huyện Châu Thành, Duyên Hải, Càng Long, Cầu Kè và thành phố Trà Vinh.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch vốn năm 2015 nhất là các dự án khởi công mới. Đồng thời đôn đốc các đơn vị tư vấn hoàn thành hồ sơ khảo sát thiết kế để lập thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt nhằm sớm triển khai thi công.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án lâm sinh thuộc chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2014 – 2020 và phê duyệt rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi, các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Trên đây là báo cáo tình hình công tác tháng 7, kế hoạch tháng 8 năm 2015 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh nắm, theo dõi, chỉ đạo./. *tr*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

BÁO CÁO 7 THÁNG ĐẦU NĂM
VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN



Mã số	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B		4	1			3	4=3/1
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1	Cây lúa	Ha	87.003	157.000	8.984	80.047	92,01%	50,99%
	Vụ Thu Đông-mùa							
	- Diện tích	Ha	6.775	80.000	815	815,00	12,03%	1,02%
	- Năng suất	Tạ/ha		59,16				
	- Sản lượng	tấn		473.271				
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	80.228	77.000	8.169	79.232	98,76%	102,90%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	14.246	77.000	7.977	8.810	61,84%	11,44%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,69	53,50	54,68	55,15	102,72%	103,08%
	- Sản lượng	tấn	76.481	411.950	43.615	48.583	63,52%	11,79%
2	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	40.942	63.807	1.404	41.218	100,67%	64,60%
	Diện tích thu hoạch	Ha	34.306	63.807	3.371	32.636	95,13%	51,15%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.858	7.150	299	4.068,84	105,46%	56,91%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.365	7.150	350	3.416,83	101,54%	47,79%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,10	54,50	56,91	56,88	103,23%	104,36%
	- Sản lượng	Tấn	18.541	38.968	1.992	19.435	104,82%	49,87%
1.2.	Cây có củ	Ha	2.001	3.387	221	1.998,62	99,88%	59,01%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	987	1.516	132	966,83	97,97%	63,78%
	+ Diện tích thu hoạch	"	753	1.516	113	781,57	103,84%	51,55%
	+ Năng suất	Tạ/ha	165	165,49	177,91	177,95	107,85%	107,53%
	+ Sản lượng	Tấn	12.420	25.089	2.010	13.908	111,98%	55,43%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	649	1.071	78	671,48	103,39%	62,70%
	+ Diện tích thu hoạch	"	441	1.071	120	492,00	111,56%	45,94%
	+ Năng suất	Tạ/ha	161	143,19	162,16	162,17	100,92%	113,26%
	+ Sản lượng	Tấn	7.087	15.336	1.945	7.979	112,59%	52,03%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	365	800	10	360,31	98,80%	45,04%
	+ Diện tích thu hoạch	"	298	800	60	247,60	83,09%	30,95%
1.3.	Cây thực phẩm	Ha	21.143	36.230	673	21.835	103,27%	60,27%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	20.548	35.430	667	21.129	102,83%	59,64%
	+ Diện tích thu hoạch	"	16.404	35.430	2.014	15.257,00	93,01%	43,06%
	+ Năng suất	Tạ/ha	211	223,00	222,4	222,6	105,59%	99,82%
	+ Sản lượng	Tấn	345.812	790.089	44.795	339.620	98,21%	42,99%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	595	800	6	705,55	118,55%	88,19%
	+ Diện tích thu hoạch	"	496	800	48	648,55	130,76%	81,07%
	+ Năng suất	Tạ/ha	17	16,50	15,0	15,4	89,54%	93,33%
	+ Sản lượng	Tấn	853	1.320	72	999	117,07%	75,66%
1.4	Cây công nghiệp hàng năm		13.940	17.040	212	13.316	95,53%	78,15%
	Đậu phộng	Ha						

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.022	5.640	2	4.123,00	102,51%	73,10%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.812	5.640	175	3.813,85	100,05%	67,62%
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,6	53,75	53,19	53,25	105,15%	99,07%
	+ Sản lượng	Tấn	19.305	30.315	931	20.309	105,20%	66,99%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	6.381	6.300	-	5.941,00	93,10%	94,30%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.768	6.300	347	5.318,49	92,21%	84,42%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.077	1.120	1.096,87	1.097,00	101,86%	97,95%
	+ Sản lượng	Tấn	621.214	705.600	38.022	583.438	93,92%	82,69%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.831	2.800	168	1.691,00	92,38%	60,39%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.422	2.800	108	1.303,20	91,65%	46,54%
	+ Năng suất	Tạ/ha	100,1	98,00	109,53	110,74	110,63%	113,00%
	+ Sản lượng	Tấn	14.234	27.440	1.181	14.432	101,39%	52,59%
	Cây trồng khác							
	DT gieo trồng	ha	1.706	2.300	42	1.561	91,50%	67,87%
	DT thu hoạch	ha	1.548	2.300	37	1.357	87,66%	59,00%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha	7,4	130				
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	7,4	130				
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		314				
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha		65				
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha		4.793				
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		1.000				
2.	Khai thác							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m ³						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	DIỆM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	42.767	45.900	2.951	34.399	80,43%	74,94%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	2.584	5.000	828	1.516	58,66%	30,32%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.009	3.500	751	1.389	69,10%	39,67%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	12,99	40	-	2	18,40%	5,98%
	+ Cá lóc	"	181,54	290	44	159	87,62%	54,85%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	535	1.500	77	127	23,79%	8,48%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	535	1.500	77	127	23,79%	8,48%
	- Diện tích nuôi khác	"	39,7				0,00%	
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	40.183	40.900	2.123	32.883	81,83%	80,40%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	39.604	38.700	2.123	32.858	82,97%	84,90%
	Trong đó: + Tôm sú	"	19.333	19.900	1.143	18.623	96,33%	93,58%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.730	5.000	980	3.330	70,40%	66,60%

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	KH vụ/năm	Thực hiện tháng 7	Ước TH 7 tháng đầu năm 2015	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Cua biển	"	15.541	13.800	-	10.905	70,17%	79,02%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	579	2.200	-	25	0	1,14%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống SX	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	109.020	204.925	18.070	88.074	80,79%	42,98%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	62.796	121.925	11.489	43.234	68,85%	35,46%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	33.808	65.500	3.098	24.046	71,12%	36,71%
	- Sản lượng cá	"	33.430	65.000	3.015	23.733	70,99%	36,51%
	Trong đó: Cá tra, cá ba sa	"	5.350	15.500	1.284	2.334	43,63%	15,06%
	+ Cá lóc	"	19.098	29.500	832	14.774	77,36%	50,08%
	- Sản lượng giáp xác	"	275	500	82	312	113,44%	62,45%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	275	500	82	312	113,44%	62,45%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	102				0,00%	
4.1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	28.988,4	56.425,0	8.391	19.188	66,19%	34,01%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	28.370	50.425	7.920	18.560	65,42%	36,81%
	Trong đó: + Tôm sú	"	7.268	14.925	2.919	5.869	80,74%	39,32%
	+ Tôm chân trắng	"	16.669	25.500	3.739	9.409	56,44%	36,90%
	+ Nuôi cua biển	"	4.433	10.000	1.262	3.282	74,05%	32,82%
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	618	6.000	472	629	101,70%	10,48%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	46.224	83.000	6.582	44.841	97,01%	54,02%
4.2.1.	Khai thác biển	Tấn	39.018	68.500	4.587	38.202	97,91%	55,77%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	17.446	27.000	1.762	16.262	93,22%	60,23%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	6.689	8.500	1.095	5.195	77,66%	61,12%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	14.883	33.000	1.730	16.745	112,51%	50,74%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	7.206	14.500	1.994	6.638	92,13%	45,78%
	Trong đó: - Cá các loại	"	3.129	6.800	850	3.150	100,69%	46,32%
	- Tôm các loại	"	2.491	4.700	816	2.466	99,00%	52,47%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Thủy sản khác	"	1.586	3.000	328	1.022	64,44%	34,06%